

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BMT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BMT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BMT TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BMT TRADINCO

2. Mã số doanh nghiệp: 3702927834

3. Ngày thành lập: 05/11/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

NK5, nhà số 11, đường số 1, khu phố 6, khu đô thị Phúc Đạt, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh công nghiệp, tàu thuyền, cầu cảng	8129
2.	Xây dựng nhà để ở	4101
3.	Xây dựng nhà không để ở	4102
4.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
5.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6.	Xây dựng công trình điện	4221
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
9.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Công trình công ích, hệ thống xử lý nước sạch và nước thải; Xây dựng công trình điện chiếu sáng	4229
10.	Xây dựng công trình thủy	4291
11.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4293
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	4299
14.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
15.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221

17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
18.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
19.	Thu gom rác thải không độc hại (bao gồm thu gom dầu thải)	3811
20.	Thu gom rác thải độc hại	3812
21.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
22.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
23.	Tái chế phế liệu (bao gồm tái chế dầu thải)	3830
24.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ đóng gói liên quan đến vận tải; Dịch vụ môi giới thuê tàu biển; Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển); Dịch vụ đại lý vận tải đường biển	5229
26.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
27.	Phá dỡ	4311
28.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, nhựa đường, nhũ tương nhựa đường; Bán buôn dầu thô; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm liên quan	4661
32.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng (bao gồm phụ gia xi măng, clinker); Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí, tôn mạ màu; Bán buôn cửa cuốn, khung nhôm, cửa nhôm kính, cửa nhựa lõi thép, cửa kính, lan can cầu thang kính, lan can cầu thang inox, cửa nhôm cuốn, cửa gỗ; Bán buôn ống, ống nối, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663

34.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
35.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn trang thiết bị bảo hộ lao động; Bán buôn que hàn	4669
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị ngành dầu khí; Bán buôn trang thiết bị hàng hải, thiết bị báo động, phòng cháy chữa cháy, camera quan sát	4659
37.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7830
38.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	4931
39.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng	4932
40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng ô tô, xe container; Vận tải xăng dầu bằng xe bồn, xe téc	4933
41.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
42.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
43.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng tàu chở hàng; Vận tải xăng dầu bằng tàu chở dầu	5012
44.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng tàu chở hàng; Vận tải xăng dầu bằng tàu chở dầu	5022
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách đường thủy	5222
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá	8299(Chính)
47.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
48.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Bao gồm kho xăng, dầu)	5210
49.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan, nhựa đường, nhũ tương nhựa đường; Bán lẻ dầu thô	4730

50.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ khí đốt và các sản phẩm liên quan; Bán lẻ khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) và các sản phẩm liên quan	4773
51.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
52.	Bán buôn tổng hợp	4690

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN MINH	Số 02/246A Đà Nẵng, Phường Cầu Tre, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	340.000	3.400.000.000	34,000	031079000667	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	340.000	3.400.000.000	34,000		

2	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	Tổ 2, khu 2, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	330.000	3.300.000.000	33,000	022079002096
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	330.000	3.300.000.000	33,000	
3	NGUYỄN HOÀNG THANH	Tổ 1, khu 8, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	330.000	3.300.000.000	33,000	022084000247
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	330.000	3.300.000.000	33,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THÁI BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/10/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031074007155

Ngày cấp: 21/05/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 246B Nguyễn Khoái, tổ 30A, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 246B Nguyễn Khoái, tổ 30A, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương